TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HÒA
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do- Hạnh Phúc

Bản án số: 142/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 11-7-2017
V/v "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – chủ Tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Kim Hoa
2. Ông Nguyễn Chí Lin

Thư ký phiên tòa: Bà Ngyễn Thị Kim Cương, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 184/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 29/6/2017, giữa các đương sư :

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Thanh T, sinh năm 1984 (Có mặt)

Trú tại: Ấp X, xã Y, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn*: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1978 (Xin vắng mặt).

Trú tại: Ấp N, xã M, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thanh T trình bày tóm tác như sau:

Chị và anh Phạm Văn H cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn, tại Ủy ban nhân dân xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/10/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm nên chị và anh H đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cãm vợ chồng đã không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Cả hai có 01 con chung tên Phạm Trần G, sinh ngày 30/9/2005, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi cháu G, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, hiện tại chị đang làm công nhân, thu nhập trung bình khoảng 5 triệu đồng/tháng, có chỗ ở ổn định, đủ điều kiện nuôi con, hơn nữa từ trước cho đến nay cháu G sống chung với chị.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Phạm Văn H xin vắng mặt theo bản tự khai của anh trong hồ sơ vụ án thì thể hiện như sau:

Anh đồng ý về thời giang đăng ký kết hôn cũng như về con chung, tài sản chung, nợ chung và về tình cãm thời gian ly thân như chị T đã trình bày, nay xét thấy tình cãm vợ chồng không còn yêu thương anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị T, về con chung anh và chị T có 01 con chung tên Phạm Trần G, sinh ngày 30/9/2005 và khi ly hôn anh đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi con, anh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung và nợ chung không có.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn anh H đã thể hiện lời khai xin được vắng mặt các cuộc hòa giải cũng như xét xử của Tòa án. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải vụ án, do đó vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở trình bày của các đương sự, qua thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về tố tụng: Bị đơn anh Phạm Văn H có yêu cầu xin được vắng mặt trong quá trình hòa giải cũng xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

2. Về hôn nhân: Chị Trần Thanh T với anh Phạm Văn H chung sống từ năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đức Hòa theo số 28/2005, quyễn số: 01/2005 vào ngày 05/10/2005 nên hôn nhân giữa chị và anh H là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo trình bày của chị T trong thời gian chung sống giữa chị và anh H không hạnh phúc mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, nên chị và anh H đã ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Thấy rằng hôn nhân của chị T và anh H không thật sự hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình là có thật, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu xin được ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn Nhân Gia Đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh Phạm Văn H, tuy nhiên anh H cũng đồng ý thuận tình ly hôn với chi T nhưng anh xin được vắng mặt trong các lần hòa giải cũng như xét xử của Tòa án, chính gì thế không thể ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị cho nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử và Hội đồng xét xử xét thấy giữa anh và chị T đã thuận tình ly hôn cũng như về nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung nên ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh H như sau:

3. Về hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thanh T với ông Phạm Văn H.

4. Về quyền nuôi con chung: Chị T được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Trần G, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2005.

5. Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh H xác định không có tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

7. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thanh T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hông giữa chị Trần Thanh T với anh Phạm Văn H.

2. Về quyền nuôi con chung: Chị Trần Thanh T được tiếp tục nuôi con cháu tên Phạm Trần G, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2005, anh Phạm Văn H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Chị Trần Thanh T và anh Phạm Văn H, thống nhất xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Án phí: Chị Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai số 0000238 ngày 17/4/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Hoà sang án phí để thi hành, chị Trúc đã nộp xong.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tài

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã đương sự.
- Đương sự;
- Lưu HS, án văn.